

Dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm trong luật hình sự Việt Nam : \ Luận văn ThS. Luật: 60 38 40 /Trần Thị Thu Trang ; Nghd. : TS. Đỗ Đức Hồng Hà

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ DẤU HIỆU ĐỊNH TỘI THUỘC MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM	5
1.1. Lý luận chung về dấu hiệu định tội	5
1.1.1. Khái niệm dấu hiệu định tội	5
1.1.2. Đặc điểm của dấu hiệu định tội	12
1.2. Lý luận chung về dấu hiệu định thuộc mặt chủ quan của tội phạm	19
1.2.1. Khái niệm dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm	19
1.2.2. Phân loại dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm	20
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ DẤU HIỆU ĐỊNH TỘI THUỘC MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM	33
2.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu lỗi	33
2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội	49

2.2.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu động cơ phạm tội	49
2.2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu mục đích phạm tội	58
Chương 3: ĐÁNH GIÁ THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ DẤU HIỆU ĐỊNH TỘI THUỘC MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM	67
3.1. Đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm ở Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2009	67
3.1.1. Những kết quả đạt được trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm	67
3.1.2. Những hạn chế, thiếu sót trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm	70
3.1.3. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm	79
3.2. Phương hướng hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm	83
3.2.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu lỗi	83
3.2.2. Phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội	88
KẾT LUẬN	97
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	98
PHỤ LỤC	104

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Vấn đề định tội là một vấn đề khó khăn, phức tạp và đặc biệt quan trọng. Bởi vì, như Mác nói, hiệu quả của pháp luật hình sự phụ thuộc rất nhiều vào tính đúng đắn của công tác xét xử. "*Định tội danh đúng sẽ là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật*"; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân; củng cố uy tín của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử; nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm...

Thực tiễn xét xử những năm qua ở Việt Nam cho thấy, việc định tội danh vẫn còn không ít sai sót, dẫn đến những hậu quả tiêu cực. Bởi vậy, việc giải quyết vấn đề này cả về mặt lý luận và thực tiễn có ý nghĩa quan trọng và đặc biệt cấp thiết, góp phần xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng và chống tội phạm. Đó cũng chính là lý do để tác giả chọn đề tài: "*Dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam*" làm luận văn thạc sĩ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

"Dấu hiệu định tội" là một nội dung quan trọng của luật hình sự, nó quyết định việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Chính vì thế đã có nhiều công trình nghiên cứu về đề tài này dưới nhiều góc độ khác nhau, cả ở trong và ngoài nước. Ở Việt Nam, đã có các công trình nghiên cứu về vấn đề này như: "*Tội phạm và cấu thành tội phạm*" (Chương VI) - Sách Tội phạm học, luật hình sự và tổ tụng hình sự Việt Nam, NXB. Chính trị quốc gia, 1994 của PGS.TS. Trần Văn Độ; "*Luật hình sự Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn*", NXB. Công an nhân dân, 1997 của PGS.TS. Kiều Đình Thụy; "*Cấu thành tội phạm, lý luận và thực tiễn*", NXB. Tư pháp, 2004 của PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa; "*Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự*" (Phần chung), NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005 của GS.TSKH Lê Cẩm; "*Tội giết người và đấu tranh phòng, chống tội phạm giết người ở Việt Nam trong giai*

đoạn hiện nay", (Sách chuyên khảo), Nxb. Tư pháp, Hà Nội, năm 2008 của TS. Đỗ Đức Hồng Hà... Tuy nhiên, trong các công trình trên chưa có công trình nào nghiên cứu đầy đủ, có hệ thống về dấu hiệu định tội trong Luật hình sự Việt Nam dưới góc độ luật hình sự, cả lý luận và thực tiễn xét xử ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2009.

Có thể nói đề tài "*Dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*" mà tác giả lựa chọn là công trình nghiên cứu đầu tiên được thực hiện ở cấp độ luận văn thạc sĩ luật học nghiên cứu một cách chuyên sâu các quy định của pháp luật về dấu hiệu định tội trong mặt chủ quan của tội phạm.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu của đề tài là dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm trong luật hình sự Việt Nam dưới góc độ luật hình sự, cả lý luận và thực tiễn xét xử ở Việt Nam, giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2009.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ một cách có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản của các quy phạm pháp luật về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm trong luật hình sự Việt Nam và đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm.

- Từ mục đích như trên, luận văn có nhiệm vụ: 1) Đưa ra được khái niệm và phân loại dấu hiệu định tội. 2) Đánh giá đúng thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm. 3) Đưa ra phương hướng hoàn thiện các quy phạm pháp luật về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm... sát đúng và có tính khả thi cao.

5. Phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về

Nhà nước và pháp luật, về tội phạm và hình phạt; những thành tựu của các ngành khoa học như: Triết học, Luật hình sự, Tội phạm học...

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn đặc biệt coi trọng các phương pháp hệ thống, lịch sử, phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, khảo sát thực tiễn, điều tra xã hội học... qua đó rút ra những kết luận, đề xuất phù hợp nhằm hoàn thiện các quy định về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm.

6. Ý nghĩa của luận văn

- Về mặt lý luận: Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích các khái niệm, các đặc điểm cơ bản và phân loại dấu hiệu định tội theo quy định của luật hình sự Việt Nam, luận văn làm sáng tỏ bản chất pháp lý và những nội dung cơ bản của dấu hiệu này.

Về mặt thực tiễn: Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng các quy phạm pháp luật về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự ở nước ta, đồng thời nêu và phân tích những vướng mắc, bất cập, thiếu sót xung quanh việc quy định về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm và thực tiễn áp dụng nhằm đề xuất phương hướng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng các quy phạm về dấu hiệu này trong pháp luật hình sự Việt Nam.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục. luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về dấu hiệu định tội và dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm.

Chương 3: Đánh giá thực tiễn áp dụng và phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm.

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ DẤU HIỆU ĐỊNH TỘI THUỘC MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM

1.1. Lý luận chung về dấu hiệu định tội

1.1.1. Khái niệm dấu hiệu định tội

Dấu hiệu định tội là những dấu hiệu đặc trưng điển hình, phản ánh được đầy đủ tính chất nguy hiểm của một tội phạm và để phân biệt tội phạm này với tội phạm khác. Đó là những dấu hiệu được quy định trong cấu thành tội phạm cơ bản của một tội phạm cụ thể được quy định trong phần các tội Bộ luật hình sự.

a. Dấu hiệu định tội trong tội phạm hoàn thành

Các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm cơ bản sẽ là dấu hiệu định tội cho trường hợp phạm tội của người thực hiện và là trường hợp tội phạm hoàn thành. Tức là, đối với một tội danh, nhà làm luật mô tả trong các điều luật phần riêng dấu hiệu đặc trưng của tội phạm để làm cơ sở pháp lý cho việc xác định và phân biệt tội phạm này với tội phạm khác và có thể cả với trường hợp chưa phải là tội phạm. Mỗi một tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự đều phải có một cấu thành tội phạm cơ bản, trong cấu thành tội phạm có thể có nhiều trường hợp phạm tội được mô tả với các dạng hành vi phạm tội khác nhau hoặc với các đối tượng tác động khác nhau. Dựa vào cấu thành tội phạm có thể nhận thức được mô hình cấu trúc của một loại tội mà không có sự hiểu rộng ra hoặc hẹp đi và cũng không có sự nhầm lẫn giữa cấu trúc của tội này với cấu trúc của tội khác.

Mặt chủ quan của cấu thành tội phạm hoàn thành được biểu hiện bằng lỗi cố ý (cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp) hay vô ý (vô ý do cẩu thả hoặc vô ý vì quá tự tin) nhưng cũng có thể bằng hai hình thức lỗi (lỗi cố ý với hành vi và lỗi vô ý với hậu quả do hành vi gây ra). Sự đánh giá về mặt pháp lý hình sự các dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm là nhằm xác định hình thức lỗi của tội phạm được thực hiện và vai trò của lỗi trong việc định tội danh đối với tội phạm hoàn thành. Khi định tội danh đối với tội phạm hoàn thành trong mặt chủ quan của tội phạm, người định tội danh phải chứng minh được lỗi (cố ý

hoặc vô ý) của chủ thể của tội phạm đó, tức là phải xác định được yếu tố lý trí và ý chí của người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm tương ứng. Việc xác định rõ ràng và chính xác của mặt chủ quan của tội phạm được thực hiện với hai hình thức lỗi có ý nghĩa quan trọng trong việc áp dụng pháp luật hình sự giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự dựa trên các hình thức lỗi.

b. Dấu hiệu định tội trong tội phạm chưa hoàn thành

Các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm của tội phạm chưa hoàn thành là dấu hiệu định tội cho trường hợp phạm tội của người thực hiện và là trường hợp chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt. Luật hình sự không chỉ coi hành vi thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cơ bản là tội phạm mà còn coi cả hành vi chuẩn bị cho việc thực hiện tội phạm cố ý cũng như hành vi chưa thỏa mãn hết các dấu hiệu của cấu thành tội phạm của một tội cố ý vì nguyên nhân khách quan là tội phạm. Để có sở pháp lý cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đòi hỏi phải quy định những trường hợp phạm tội này dưới hình thức cấu thành tội phạm trong luật hình sự. Đó là cấu thành tội phạm của chuẩn bị phạm tội và cấu thành tội phạm của phạm tội chưa đạt.

Đối với tội phạm chưa hoàn thành ở giai đoạn thứ nhất - chuẩn bị phạm tội, tội danh sẽ được xác định theo điều luật tương ứng của Phần các tội phạm Bộ luật hình sự về tội phạm cụ thể (tội phạm hoàn thành) với sự viện dẫn kèm theo điều luật về hành vi chuẩn bị phạm tội và quyết định hình phạt tại Phần chung Bộ luật hình sự (Điều 17 và Điều 52).

Đối với tội phạm chưa hoàn thành ở giai đoạn thứ hai - phạm tội chưa đạt, tội danh được xác định theo điều luật tương ứng của Phần các tội phạm Bộ luật hình sự về tội phạm cụ thể (tội phạm hoàn thành) có sự viện dẫn kèm theo của điều luật về hành vi phạm tội chưa đạt và quyết định hình phạt tại phần chung Bộ luật hình sự (Điều 18 và Điều 52)

Khi định tội danh đối với hành vi phạm tội chưa hoàn thành, việc xác định đúng giai đoạn thực hiện tội phạm là việc làm rất quan trọng bởi vì với mỗi tội danh, nhà làm luật quy định thời điểm hoàn thành tội phạm không giống nhau.

c. Dấu hiệu định tội trong đồng phạm

Trong luật hình sự Việt Nam, đồng phạm được coi là hình thức phạm tội đặc biệt. Các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm của hành vi đồng phạm là các dấu hiệu định tội cho trường hợp phạm tội của người tổ chức, người xúi giục và người giúp sức thực hiện tội phạm.

Khác với cấu thành tội phạm cơ bản của từng tội, cấu thành tội phạm của đồng phạm không được quy định trực tiếp cho từng tội danh. Trong đồng phạm có các dấu hiệu đặc trưng về mặt chủ quan như: Phải có sự cùng cố ý của những người đồng phạm khi tham gia vào việc thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, tức họ đều biết hoạt động phạm tội của nhau. Mỗi người đồng phạm đều ý thức được rằng, bằng hành vi của mình cùng với hành vi của những người khác, họ đã phạm tội hoặc góp phần vào việc thực hiện tội phạm. Những người đồng phạm đều cùng mong muốn hoặc cùng cố ý thức để mặc cho hậu quả phạm tội chung xảy ra. Luật hình sự Việt Nam đã xác định, tất cả những người đồng phạm đều bị truy tố, xét xử về cùng một tội danh, theo cùng một điều luật và trong phạm vi chế tài luật định. Trong đồng phạm, hành vi của những người tổ chức, xúi giục hay giúp sức dù chưa đưa đến việc thực hiện tội phạm nhưng họ vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự do vậy vẫn cần phải xác định tội danh đối với những người này.

Có thể hiểu định tội danh đối với tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm là sự đánh giá về mặt pháp lý hành vi nguy hiểm cho xã hội do hai người trở lên cùng cố ý thực hiện. Trên cơ sở đối chiếu, so sánh để xác định sự phù hợp giữa các tình tiết trong hành vi của từng người đồng phạm với các dấu hiệu của các cấu thành tội phạm cụ thể do điều luật tương ứng tại Phần các tội phạm Bộ luật hình sự quy định, người định tội danh sẽ xác định tên tội mà những người đồng phạm đã cùng thực hiện.

1.1.2. Đặc điểm của dấu hiệu định tội

Dấu hiệu định tội là dấu hiệu được mô tả trong các cấu thành tội phạm làm tiêu chí để xác định một người thực hiện hành vi: Phạm tội gì? Với vai

trò như thế nào? Thực hiện tội phạm hay là tiến hành tổ chức, xúi giục hay giúp sức thực hiện hành vi phạm tội. Nếu có, thì thực hiện ở giai đoạn nào của tội phạm? Giai đoạn chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt hay tội phạm hoàn thành.

Nghiên cứu Bộ luật hình sự ta nhận thấy, dấu hiệu định tội có ở tất cả các cấu thành tội phạm cơ bản:

Dấu hiệu chủ thể khi tội phạm đó đòi hỏi chủ thể đặc biệt: Như trong các tội phạm về chức vụ thì chủ thể của tội phạm là chủ thể đặc biệt, là người có chức vụ, quyền hạn.

Dấu hiệu hành vi khách quan: Hành vi khách quan được phản ánh trong tất cả các cấu thành tội phạm. Không có hành vi khách quan thì không có tội phạm. Ví dụ: Hành vi khách quan của các tội phạm về ma túy (chương XXIV Bộ luật hình sự) tuy khác nhau về hình thức thể hiện, về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội nhưng giống nhau ở chỗ đều là hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về chế độ quản lý các chất ma túy.

Dấu hiệu lỗi (nội dung lỗi được quy định chung trong Phần chung của Bộ luật hình sự): Lỗi là dấu hiệu không thể thiếu được của bất cứ cấu thành tội phạm cơ bản nào. Hành vi được xác định là tội phạm thì các tình tiết, biểu hiện của nó phải được làm rõ để xác định tính chất, mức độ nguy hiểm để xử lý một cách thỏa đáng.

Việc xác định chính xác các tình tiết thực tế của vụ án có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với việc định tội danh đúng tội phạm đã thực hiện. Do đó, Tòa án nhân dân tối cao thường xuyên chỉ rõ ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết tất yếu của việc xác định chính xác các tình tiết đó.

1.2. Lý luận chung về dấu hiệu định thuộc mặt chủ quan của tội phạm

1.2.1. Khái niệm mặt chủ quan của tội phạm

Với ý nghĩa là một mặt của hiện tượng thống nhất, mặt chủ quan của tội phạm không tồn tại độc lập mà luôn luôn gắn với mặt khách quan của tội phạm. mặt chủ quan có thể được hiểu là hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội. TSKH Lê cảm cũng đã đưa ra một định nghĩa khoa học về

khái niệm mặt chủ quan của tội phạm: "*là đặc điểm tâm lý bên trong của cách cư xử có tính chất tội phạm xâm hại đến khách thể được bảo vệ bằng pháp luật hình sự, tức là thái độ tâm lý của chủ thể được thể hiện dưới hình thức cố ý hoặc vô ý đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội do mình thực hiện và đối với hậu quả của hành vi đó (lỗi)*".

Các nội dung thuộc mặt chủ quan của tội phạm có ý nghĩa và vị trí không giống trong các cấu thành tội phạm. Lỗi là dấu hiệu chủ quan bắt buộc của tất cả các cấu thành tội phạm (dấu hiệu định tội), còn động cơ và mục đích phạm tội là dấu hiệu định tội của một số cấu thành tội phạm.

1.2.2. Phân loại dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm

a. Dấu hiệu lỗi

Theo quan điểm thống nhất trong luật hình sự thì "*lỗi là thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và hậu quả do hành vi đó gây ra*". Khái niệm lỗi trong luật hình sự biểu hiện rõ nét ý thức vô trách nhiệm của người phạm tội đối với các quan hệ xã hội.

Lỗi là dấu hiệu chủ quan bắt buộc ở tất cả các cấu thành tội phạm, trong các cấu thành tội phạm cơ bản, lỗi thường được quy định là lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý. Lần đầu tiên trong Bộ luật hình sự quy định rõ hai hình thức lỗi cố ý phạm tội, tuy không nói rõ đó là lỗi cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp nhưng với nội dung quy định tại Điều 9 Bộ luật hình sự thì ta có thể hiểu rằng đó là hai hình thức lỗi: cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp.

Các hình thức lỗi là cơ sở pháp lý để định tội đối với những trường hợp mà việc phân hóa trách nhiệm hình sự tối đa được dựa trên các hình thức lỗi - khi một hình thức lỗi nhất định nào đó (cố ý hoặc vô ý) được nhà làm luật quy định là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm cụ thể tương ứng trong phần các tội phạm Bộ luật hình sự.

b. Dấu hiệu động cơ phạm tội

Theo TSKH Lê Cảm đã đưa ra định nghĩa khoa học về của khái niệm động cơ phạm tội, theo đó khái niệm này được hiểu là "*động lực (các nhu cầu và lợi ích) bên trong thúc đẩy quyết tâm của người phạm tội thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm*".

Trong các tội phạm thực hiện với hình thức lỗi cố ý thì bao giờ cũng có động cơ phạm tội, tức là những động lực thúc đẩy, kích thích người phạm tội thực hiện tội phạm. Trong trường hợp tội phạm được thực hiện với hình thức lỗi vô ý, người phạm tội không mong muốn thực hiện tội phạm hoặc không tin hành vi của mình trở thành hành vi phạm tội. Do đó, động cơ ở những tội phạm được thực hiện do vô ý chỉ là những động cơ ứng xử những tình huống trong cuộc sống, cho nên không gọi đó là động cơ phạm tội.

Động cơ phạm tội nói chung không có ý nghĩa quyết định đến tính chất nguy hiểm của tội phạm, nó không làm thay đổi hẳn tính chất của hành vi. Do vậy, động cơ nói chung không phải là căn cứ để phân biệt giữa tội phạm với không phải là tội phạm, giữa tội phạm này với tội phạm khác. Nhưng động cơ có thể làm thay đổi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Dấu hiệu động cơ phạm tội trong mặt chủ quan của tội phạm nói chung không phải là dấu hiệu bắt buộc trong tất cả các cấu thành tội phạm cơ bản của tội phạm. Nhưng trong một số trường hợp, động cơ được phản ánh là dấu hiệu định tội (dấu hiệu của cấu thành tội phạm cơ bản) với một số ít tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự gồm 10 điều.

c. Dấu hiệu mục đích phạm tội

TSKH Lê Cẩm đã đưa ra một định nghĩa khoa học như sau về mục đích phạm tội: *"mục đích phạm tội là kết quả trong tương lai mà người phạm tội hình dung ra và mong muốn đạt được bằng việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm"...*

Luật hình sự Việt Nam quy định mục đích phạm tội là dấu hiệu định tội của một số tội phạm, còn phần lớn các cấu thành tội phạm mục đích phạm tội không được quy định là dấu hiệu của cấu thành tội phạm (dấu hiệu bắt buộc). Mặc dù, dấu hiệu mục đích phạm tội chỉ có trong mặt chủ quan của tội phạm ở các tội được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Nhưng nắm vững mục đích phạm tội có ý nghĩa trong việc xác định tội danh chính xác, không gây nhầm lẫn giữa tội này với tội khác

Khi luật hình sự quy định mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc của một cấu thành tội phạm nào đó, nếu ta không xác định được mục đích phạm tội, hành vi gây thiệt hại cho xã hội không cấu thành tội phạm đó.

Lỗi là dấu hiệu chủ quan bắt buộc ở tất cả các cấu thành tội phạm, không có lỗi thì không có hành vi phạm tội. Động cơ và mục đích là những dấu hiệu của mặt chủ quan của tội phạm. Nó điều khiển sự hoạt động của con người, bởi vì hoạt động của con người là hoạt động có ý thức luôn luôn xuất phát từ động cơ nhất định. Hành vi phạm tội cũng là một dạng hoạt động của con người.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ DẤU HIỆU ĐỊNH TỘI THUỘC MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM

2.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu lỗi

Lỗi là một dấu hiệu của tất cả các cấu thành tội phạm, đòi hỏi phải được xác định trong mọi trường hợp khi áp dụng luật hình sự. Xác định lỗi đúng là một điều kiện cần thiết để có thể định tội đúng, xác định lỗi sai sẽ dẫn đến định tội danh sai. Cùng những biểu hiện khách quan như nhau, nếu xác định lỗi khác nhau sẽ có những kết luận khác nhau về tội danh.

Trong một số cấu thành tội phạm nhà làm luật quy định rõ hình thức lỗi của người phạm tội khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhất định trong cấu thành tội phạm. Trong những trường hợp như vậy, khi định tội người định tội danh chỉ cần xác định thái độ tâm lý của chủ thể đối với hành vi và hậu quả, sau đó so sánh đối chiếu các hình thức lỗi trong cấu thành tội phạm. Nhưng ở đa số trong các trường hợp điều luật quy định về tội phạm không nêu rõ hình thức lỗi và loại lỗi trong cấu thành tội phạm cụ thể.

Trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xác định lỗi của những người có hành vi xâm phạm đến thân thể người khác có ý nghĩa rất quan trọng, nhưng đó là công việc rất phức tạp. Xác định lỗi sai trong nhiều trường hợp sẽ dẫn đến có những nhầm lẫn như: Giữa tội giết người (Điều 93) với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến hậu quả chết người (khoản 3 Điều 104); giữa tội hiếp dâm trong trường hợp làm nạn nhân chết (khoản 3 Điều 111) với tội giết người (Điều 93); giữa tội cướp tài sản trong trường hợp gây chết người (khoản 4 Điều 133) với tội giết người (Điều 93)...

Hầu hết các tội phạm trong Bộ luật hình sự được các nhà làm luật mô tả chính xác, rõ ràng giúp cho chủ thể định tội cũng như các nhà nghiên cứu luật hình sự nhận thức đúng đắn sự khác nhau giữa tội phạm này với tội phạm khác thông qua tính đặc trưng của từng tội phạm cụ thể. Tuy nhiên, trong Bộ luật hình sự vẫn còn một vài tội phạm mà tính đặc trưng của nó chưa được rõ ràng khiến cho chủ thể định tội gặp khó khăn trong việc xác định một hành vi là tội này hay tội khác. Điều này xảy ra khi nghiên cứu hai tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95 Bộ luật hình sự) và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105 Bộ luật hình sự). Cả hai cấu thành tội phạm đều chứa đựng dấu hiệu "trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" và có thể có hậu quả chết người xảy ra. Vì vậy, khi xác định đặc trưng của cấu thành tội phạm này mà căn cứ vào chủ quan của người phạm tội là việc làm không dễ dàng chút nào, thậm chí là không thể khi sự mô tả của hai cấu thành tội phạm trong Bộ luật hình sự chưa có sự khác nhau rõ ràng.

Hành vi nguy hiểm mà người phạm tội thực hiện có thể bằng hành động hoặc không hành động. Sự cố ý trong trường hợp không hành động, ở trường hợp này sự cố ý vẫn tồn tại, nếu như người phạm tội phải thực hiện một nghĩa vụ nhưng đã không thực hiện. Có rất nhiều trường hợp phạm tội bằng không hành động, trong Bộ luật hình sự có các điều quy định về hành vi "không hành động" nhưng bị coi là tội phạm như: Tội không cứu giúp người

đang trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 102); Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội (Điều 294); Tội không tố giác tội phạm (Điều 314). Vậy lỗi trong các trường hợp trên là lỗi gì?

Trong cấu thành tội phạm, sự mô tả dấu hiệu lỗi chỉ có nghĩa xác định loại lỗi (cố ý hoặc vô ý) và có thể cả hình thức lỗi ở một số trường hợp (cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp cũng như vô ý vì quá tự tin và vô ý vì cầu thả). Lỗi được xác định trong cấu thành tội phạm phải phù hợp với tội danh. Tội danh có thể chưa thể hiện rõ dấu hiệu hành vi nhưng đòi hỏi phải thể hiện rõ loại lỗi. Việc mô tả dấu hiệu lỗi trong cấu thành tội phạm có những đòi hỏi phức tạp hơn so với việc mô tả các dấu hiệu khác. Mô tả dấu hiệu lỗi cụ thể, rõ ràng sẽ giúp cho việc nhận thức về các cấu thành tội phạm theo loại tội-tội cố ý hoặc tội vô ý được thống nhất. Từ đó mới có thể xét xử đúng.

Mặc dù dấu hiệu lỗi có ý nghĩa rất quan trọng nhưng trong Bộ luật hình sự, dấu hiệu này hầu như không được phản ánh trong các cấu thành tội phạm. Trong số 270 cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự chỉ có 20 cấu thành tội phạm thể hiện rõ dấu hiệu lỗi là cố ý hoặc vô ý và 6 cấu thành tội phạm khác có nội dung thể hiện gián tiếp dấu hiệu lỗi là cố ý trực tiếp. Trong số 20 cấu thành tội phạm có mô tả dấu hiệu lỗi có 12 cấu thành tội phạm mô tả lỗi cố ý và 8 cấu thành tội phạm mô tả lỗi vô ý. Với tất cả các cấu thành tội phạm còn lại đều không có sự mô tả loại lỗi là cố ý hay vô ý.

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội

2.2.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu động cơ phạm tội

Động cơ, mục đích phạm tội có thể được nhà làm luật xác định cụ thể trong quy phạm pháp luật hình sự, nhưng cũng có khi chỉ được đề cập một cách gián tiếp.

+ *Trong nhóm tội xâm phạm tính mạng sức khỏe*: Đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người thì động cơ hành động, nhân cách của

người phạm tội và mục đích hành động luôn có mối liên quan với nhau, vì mỗi quyết định hành động của con người đều được quy định bởi nhiều yếu tố, trong đó có nhân cách của người phạm tội và động cơ hành động. Do đó việc nghiên cứu nhân cách người phạm tội (trước hết là thái độ đối với tính mạng, sức khỏe người khác) cũng như động cơ hành động của họ có thể giúp xác định được mục đích hành động (hành động nhằm đạt được cái gì?) và qua đó xác định được thái độ chủ quan của người phạm tội đối với hậu quả chết người đã thấy trước.

+ *Trong nhóm tội xâm phạm sở hữu*: Động cơ, mục đích là dấu hiệu bắt buộc trong các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt và các tội sử dụng, chiếm giữ trái phép tài sản. Mặc dù trong các điều luật quy định về các tội phạm không nói rõ động cơ tư lợi, nhưng căn cứ vào hành vi chiếm đoạt thì có thể khẳng định rằng động cơ tư lợi là dấu hiệu bắt buộc được quy định trong cấu thành tội phạm của các tội xâm phạm sở hữu mang tính chiếm đoạt.

+ *Nhóm tội phạm về ma túy*: Tội phạm về ma túy là một trong số các tội có chiều hướng tăng cao, tòa án thường xuyên phải xét xử các tội liên quan đến ma túy, một câu hỏi đặt ra là: Tại sao công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy luôn được quan tâm thích đáng, chế tài xử phạt các loại tội phạm này luôn là những chế tài mạnh nhất mà loại tội phạm này vẫn không giảm? Động cơ, mục đích phạm tội ở đây là gì?

2.2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu mục đích phạm tội

Theo Bộ luật hình sự năm 1999, mục đích chống chính quyền nhân dân là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Như vậy, đây cũng chính là dấu hiệu chủ quan cơ bản nhất mà các cơ quan tư pháp hình sự bắt buộc phải chứng minh được để phân biệt giữa các tội xâm phạm an ninh quốc gia với các tội phạm khác có dấu hiệu tương tự. Vì nếu như không xác định, không chứng minh được là người phạm tội thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhằm mục đích "chống chính quyền nhân dân" thì tội danh đó phải được thay đổi. Động cơ phạm tội của các tội xâm phạm

an ninh quốc gia có thể rất khác nhau nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành các tội xâm phạm an ninh quốc gia, mà chỉ là căn cứ để đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đồng thời là cơ sở để các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp đối với người phạm tội trong từng trường hợp cụ thể.

Các tội xâm phạm an ninh quốc gia là những hành vi được thực hiện với mục đích chống chính quyền nhân dân. Nhằm thực hiện mục đích đó, xu hướng phổ biến của những người phạm tội là hình thành các nhóm người đồng phạm và để xác định sự đồng phạm này phải chứng minh được những người đồng phạm này có cùng mục đích chống chính quyền nhân dân.

Trên thực tiễn xét xử các vụ án hình sự trên toàn quốc, thực tế xét xử các tội về loại tội xâm phạm an ninh quốc gia là không nhiều so với các loại tội khác. Trong các năm qua ta có thể thấy Tòa án đã xét xử nhiều vụ, như vụ Tô S phạm tội gián điệp được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử năm 2009. Vụ án Nguyễn Ngọc H và Vũ Đình T phạm tội gián điệp do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý xét xử và được Tòa phúc thẩm tại Hà Nội xét xử phúc thẩm do có kháng cáo của các bị cáo. Hay gần đây, trên thông tin đại chúng, trên các báo đài đều đã đăng tải Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án Lê Công Đ phạm tội theo Điều 79 "tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân"...

Thực tiễn hoạt động tố tụng và thực tiễn điều tra chống các tội xâm phạm an ninh quốc gia của nước ta trong hơn nửa thế kỷ đã đúc ra được nhiều kinh nghiệm trong quá trình điều tra, xét xử loại tội phạm này. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm an ninh quốc gia việc chứng minh mục đích phạm tội phải chú ý yêu cầu là phải chứng minh, làm rõ cả mục đích chung và mục đích cụ thể.

Lỗi, động cơ mục đích là những dấu hiệu được quy định trong mặt chủ quan của tội phạm. Việc nghiên cứu và xác định rõ ràng, chính xác bản chất pháp lý của lỗi trong mặt chủ quan của tội phạm với hai hình thức lỗi có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với hàng loạt các trường hợp mà Bộ luật hình sự năm 1999 của nước ta quy định việc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình

sự dựa trên các hình thức lỗi. Thêm vào đó, khi xem xét vấn đề trách nhiệm hình sự và hình phạt người phạm tội ta cần phải chú ý đến động cơ và mục đích phạm tội với tư cách là yếu tố cơ bản phản ánh trạng thái về mặt tâm lý-tinh thần của người đó khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội để đảm bảo cho việc cá thể hóa và phân hóa trách nhiệm hình sự một cách chính xác.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ DẤU HIỆU ĐỊNH TỘI THUỘC MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM

3.1. Đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm ở Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2009

3.1.1. Những kết quả đạt được trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm

Mặc dù an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên phạm vi cả nước vẫn được giữ vững nhưng nhìn chung tội phạm hình sự vẫn diễn biến phức tạp và chưa có chiều hướng giảm bớt đáng kể, gây hậu quả xấu đến sự ổn định và phát triển kinh tế và đó là nỗi lo lắng, sự ám ảnh đối với cuộc sống bình yên của nhân dân. Một số loại tội phạm nghiêm trọng như giết người, cướp tài sản, hiếp dâm trẻ em, tệ nạn ma túy, mại dâm... không giảm bớt mà còn có chiều hướng tăng nhanh và có nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng. Các tội phạm về kinh tế như buôn lậu qua biên giới, lưu hành tiền giả, chống người thi hành công vụ, các vụ buôn lậu, hành vi sản xuất và buôn bán hàng giả, buôn bán hàng cấm...vẫn không có chiều hướng giảm bớt.

Luận văn đưa ra các số liệu về việc thụ lý, giải quyết xét xử vụ án hình sự qua các năm 2001, 2005, 2008. Trong công tác này, về cơ bản các Tòa án đã áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự nên đã xét xử đúng người đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất việc xét xử oan và bỏ lọt tội phạm; các vụ án điều được đưa ra xét xử đúng thời

hạn quy định của pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất việc tồn đọng án. Như vậy, công tác xét xử các vụ án hình sự của các Tòa án trong năm qua đã phục vụ có hiệu quả cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đáp ứng được yêu cầu chính trị của các địa phương và trong cả nước.

3.1.2. Những hạn chế, thiếu sót trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm

a. Những hạn chế, thiếu sót trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu lỗi

Nghiên cứu các tội danh được xác định trong Bộ luật hình sự, có thể nhận thấy một số hạn chế cần được xem xét khắc phục nhằm hoàn thiện hơn nữa Bộ luật hình sự như sau:

- Một số tội danh không thể hiện rõ tính chất của loại tội được phản ánh là tội cố ý hay vô ý.

- Nhiều tội danh chưa thống nhất với nội dung được mô tả trong cấu thành tội phạm. Nhiều tội danh thể hiện là tội cố ý nhưng giữa tội danh, sự mô tả của cấu thành tội phạm cũng như quy định của điều luật nói chung và cách hiểu, cách giải thích của nhà làm luật không có sự thống nhất với nhau. Như cấu thành tội phạm tội bức tử, tội đua xe trái phép, tội hành nghề mê tín dị đoan, tội phá thai trái phép...

- Có những tội danh chưa có tính khái quát của một khái niệm mà mới chỉ là sự liệt kê các dạng hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm như tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120 Bộ luật hình sự), Tội danh được xây dựng theo kiểu liệt kê có thể gây không ít khó khăn cho người áp dụng. Khi áp dụng cho trường hợp cụ thể mà chủ thể chỉ thực hiện một hành vi, người áp dụng sẽ gặp khó khăn trong việc định tội danh. Nếu gọi tội danh đầy đủ như điều luật thì không hợp lý nhưng nếu chỉ gọi một phần tội danh thì cũng không được vì tội danh được quy định là một thể thống nhất.

- Một hạn chế khác là hạn chế trong việc giải thích và hiểu luật liên quan đến dấu hiệu lỗi. Theo nguyên tắc chung, trong cấu thành tội phạm tội

cố ý, dấu hiệu lỗi cố ý bao trùm tất cả các dấu hiệu khác như dấu hiệu hành vi, dấu hiệu hậu quả, dấu hiệu về đặc điểm của đối tượng... nhưng trong thực tế hiểu và giải thích luật thì điều này không được chú ý.

Ngoài ra, Tòa án còn có những sai lầm trong việc định tội danh. Tuy rằng việc định tội danh sai không còn là phổ biến, nhưng có một số trường hợp không phải do nguyên nhân khách quan mà chủ yếu do trình độ nghiệp vụ hoặc không nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật và hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự nên đã định tội danh không đúng.

b. Những hạn chế, thiếu sót trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội

Thực tế cho thấy, do động cơ phạm tội và mục đích phạm tội là dấu hiệu định tội bắt buộc trong một số ít tội danh nên việc áp dụng các quy định về dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội ít gặp những sai sót hơn so với việc áp dụng các quy định về dấu hiệu lỗi. Tuy nhiên, vẫn còn có những sai sót, hạn chế nhất định. Trong đó, chủ yếu là những thiếu sót về việc khi tiến hành áp dụng pháp luật, cơ quan tiến hành tố tụng đã không chứng minh được động cơ phạm tội, mục đích phạm tội trong các tội mà quy định đó là dấu hiệu bắt buộc. Chính vì thế đã dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm.

Trong các loạt tội chiếm đoạt tài sản, nhiều Tòa án còn vướng mắc trong việc xác định bị cáo có phạm tội chiếm đoạt hay không. Mặc dù đã được Tòa án nhân dân tối cao thống nhất hướng dẫn là: Chỉ khi nào xác định được bị cáo có ý thức chiếm đoạt thì mới có căn cứ kết luận bị cáo về tội chiếm đoạt, đồng thời phải dựa vào nguyên tắc cân đối giữa "đầu vào và đầu ra" để xác định giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Cũng có nhiều trường hợp do không chứng minh được động cơ và mục đích phạm tội nên cơ quan tiến hành tố tụng đã chuyển tội danh, áp dụng một tội danh khác với hình phạt nhẹ hơn với những hành vi tương ứng mà người phạm tội đã thực hiện. Việc làm đó đã dẫn đến tình trạng định sai tội danh, áp dụng hình phạt không đúng với mức độ phạm tội.

3.1.3. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm

a. Nguyên nhân chủ quan

Thực tiễn chỉ ra cho thấy có rất nhiều nguyên nhân gây ra việc các cơ quan tố tụng có những thiếu sót trong việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm. Nói đến các nguyên nhân chủ quan, ta có thể thấy do các lý do như: Sự thiếu hụt về cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng; Trình độ chuyên môn của các cán bộ là chưa đồng đều; Số lượng án phải giải quyết hàng năm thì quá nhiều...

b. Nguyên nhân khách quan

Đối với nước ta, nhìn chung, hệ thống pháp luật vẫn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống. Đó là một hệ thống văn bản pháp luật đồ sộ, được nhiều cấp ban hành, nhưng lại thiếu cơ chế cân nhắc toàn diện các lĩnh vực pháp luật khác nhau, nên mâu thuẫn và chồng chéo là khó tránh khỏi. Sự tồn tại các bất cập và mâu thuẫn làm giảm tính minh bạch của pháp luật, khiến pháp luật trở nên phức tạp, khó hiểu và khó áp dụng. Một nguyên nhân nữa phải nói đến là do cơ cấu tổ chức của các cơ quan tiến hành tố tụng là chưa hợp lý.

3.2. Phương hướng hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm

3.2.1. Phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu lỗi

Trước hết, chúng ta cần có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, chỉ trên cơ sở hệ thống pháp luật mà trước hết là hệ thống pháp luật hình sự hoàn chỉnh, người tiến hành định tội danh mới có thể có điều kiện để phát huy được khả năng làm việc của mình. Hoàn thiện pháp luật hình sự phải được tiến hành song song cả về nội dung và hình thức. Trong đó, cần chú ý đặc biệt đến kỹ thuật xây dựng cấu thành tội phạm.

Vấn đề hoàn thiện Bộ luật hình sự trong việc xây dựng cấu thành tội phạm phải bắt đầu từ việc mô tả dấu hiệu lỗi trong tất cả các cấu thành tội phạm vô ý và trong các cấu thành tội phạm cố ý có quan hệ cặp với cấu thành tội phạm vô ý tương ứng (nếu không muốn mô tả dấu hiệu này trong tất cả các cấu thành tội phạm).

Để định tội danh đúng, thì trong cấu thành tội phạm cơ bản của từng loại tội, nhà làm luật phải mô tả rõ dấu hiệu pháp lý đặc trưng, hạn chế đến mức thống nhất những quy định có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau dẫn đến việc giải thích của văn bản dưới luật.

Đối với những tội danh đa nghĩa về lỗi, nhà làm luật cần sửa đổi để thể hiện rõ tội danh đó thuộc tội cố ý hay vô ý. Nhưng cũng cần chú ý mô tả lỗi trong cấu thành tội phạm cho phù hợp với tội danh đã xác định.

Đối với những tội danh mang tính liệt kê theo thống kê có khoảng 30 tội danh được xây dựng theo dạng liệt kê như vậy được quy định trong Bộ luật hình sự) thì chúng ta có thể khắc phục chúng theo hướng có thể tách thành nhiều loại hành vi phạm tội và đặt cho mỗi loại hành vi một tội danh riêng nếu xét thấy cần thiết cho việc quy định các khung hình phạt khác nhau cho phù hợp. Trong trường hợp không cần tách mà phải gộp chung trong một tội danh thì buộc phải tìm tội danh chung có tính khái quát, phản ánh được những điểm chung của tất cả các dạng hành vi.

Để đảm bảo nguyên tắc pháp chế trong luật hình sự, đòi hỏi phải nhanh chóng bổ sung các quy định còn thiếu trong Bộ luật hình sự nói riêng cũng như trong pháp luật hình sự nói chung nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc xác định trách nhiệm hình sự. Để đảm bảo các quy định về tội phạm cụ thể của Bộ luật hình sự mang tính khái quát, ổn định có hiệu lực lâu dài, nên quy định tội phạm bằng cách mô tả tội phạm chủ yếu thông qua các dấu hiệu định tính, hạn chế thông qua các dấu hiệu mang tính định lượng. Đặc biệt là việc quy định các dấu hiệu định lượng phản ánh tài sản là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt của một số tội thuộc nhóm tội xâm phạm sở hữu và tội phạm về chức vụ đã sớm bộc lộ những hạn chế và bất cập trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm.

3.2.2. Phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về dấu hiệu động cơ và mục đích phạm tội

Động cơ, mục đích phạm tội là những vấn đề khó xác minh trong vụ án hình sự, trên thực tế có nhiều trường hợp vì không chứng minh được động cơ và mục đích phạm tội nên không thể chứng minh được hành vi đó là tội phạm.

Từ thực tế đó nên chăng chúng ta nên bỏ một số động cơ trong các tội để không bỏ lọt tội phạm như Điều 128 (Tội buộc người lao động, cán bộ, công chức thôi việc trái pháp luật), Điều 167 (Tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế). Trong các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt (từ Điều 133 đến Điều 140) thì mục đích chiếm đoạt là dấu hiệu định tội của một loạt các tội phạm này. Đối chiếu với Bộ luật hình sự năm 1999 ta có thể dễ dàng nhận thấy chỉ có bốn tội danh mà ở đó ngay từ tên gọi của tội danh đã ghi nhận mục đích chiếm đoạt, đó là tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134), tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137), tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139) và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140). Vì thế, để cho thống nhất về mặt hình thức chúng ta nên sửa đổi để cả tám tội danh trên đều mô tả mục đích chiếm đoạt tài sản ở ngay tên gọi của tội danh và trong cả cấu thành tội phạm cơ bản.

Tất cả các tội danh từ Điều 78 đến Điều 91 quy định mục đích "chống chính quyền nhân dân" là dấu hiệu bắt buộc thì cần ghi rõ mục đích đó trong cấu thành tội phạm, tạo sự thống nhất trong cả một chương. Hơn nữa, việc mô tả cũng cần có sự thống nhất từ hành vi đến mục đích phạm tội. Việc miêu tả theo đúng tuần tự giúp chúng ta nghiên cứu, áp dụng pháp luật dễ dàng hơn và đảm bảo tính đồng bộ.

Tội vu khống (Điều 122) nhìn nhận từ thực tế cho thấy, việc xác định mục đích "nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác" trong cấu thành tội phạm cơ bản của tội này gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí không thể chứng minh được, điều đó dẫn đến bỏ

lột tội phạm. Vì thế, chúng ta nên bỏ quy định mục đích "nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác" trong cấu thành tội phạm cơ bản.

Tội khủng bố (Điều 230a) là tội danh mới, trong cấu thành tội phạm của tội này quy định mục đích "gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng" là dấu hiệu bắt buộc. Nhưng nghiên cứu tội danh này trên thực tiễn thấy rằng, mục đích đó không phải là mục đích mà bọn khủng bố muốn đạt được. Rõ ràng đó hành vi thực hiện tội phạm nhằm đạt được mục đích chính trị nhất định nào đó. Vì vậy, chúng ta cần sửa đổi cấu thành tội phạm ở khoản 1 Điều 230a như sau: "Người nào xâm phạm tính mạng của người khác hoặc phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng nhằm mục đích chính trị thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình"

Trong các tội tại điều 341 đến điều 344 thì mục đích phá hoại hòa bình, chống loài người và gây chiến tranh là dấu hiệu định tội quy định tại các điều này. Thế nhưng mục đích này chỉ được mô tả trong cấu thành tội phạm cơ bản của tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược (Điều 341), tội chống loài người (Điều 342) và tội tuyển mộ lính đánh thuê; tội làm lính đánh thuê (Điều 344). Còn ở tội phạm chiến tranh (Điều 343) thì mục đích gây chiến tranh không được mô tả trong cấu thành cơ bản của tội này. Chỉ có bốn điều trong một chương nhưng lại có sự không thống nhất trong cách mô tả. Vì thế để đảm bảo tính đồng bộ, tính thống nhất ta nên mô tả rõ mục đích nhằm "gây chiến tranh" là dấu hiệu bắt buộc trong tội này.

Nghiên cứu Bộ luật hình sự nhận thấy rằng, việc quy định dấu hiệu mục đích tại hai điều 122 (Tội vu khống) và điều 325 (Tội đào ngũ) sẽ gây khó khăn rất nhiều cho cơ quan tiến hành tố tụng trong thực tế chứng minh tội phạm. Chúng ta có thể bỏ hai mục đích này để giúp cho việc chứng minh tội phạm dễ hơn, vừa đảm bảo sự thống nhất với các tội danh trong cùng chương đó và góp phần không bỏ lọt tội phạm.

KẾT LUẬN

Dấu hiệu định tội là yếu tố quan trọng để xác định hành vi của một người có phải là tội phạm hay không? Vì vậy việc quy định những cơ sở pháp lý về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc xác định thái độ tâm lý của người thực hiện hành vi phạm tội. Hoàn thiện hơn nữa các quy định về "dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm" là một trong những nhiệm vụ cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm tăng cường pháp chế Xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, cũng như bảo vệ một cách hữu hiệu lợi ích của Nhà nước, của xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong giai đoạn cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam.

Để góp một phần nhỏ vào việc hoàn thiện Bộ luật hình sự tôi đã nghiên cứu đề tài: "Dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam". Đây là một đề tài khó nó liên quan đến nhiều vấn đề khác như định tội danh và quyết định hình phạt... Hơn nữa, do tài liệu nghiên cứu về đề tài là chưa nhiều, sự nghiên cứu của bản thân tôi còn nhiều hạn chế nên chắc chắn luận văn không tránh khỏi sự thiếu sót. Kính mong Ban giám khảo và bạn đọc thông cảm, cá nhân tôi mong đón nhận được nhiều ý kiến đóng góp chân thành để có thể hoàn thiện đề tài được tốt hơn.

Thay cho lời kết tôi hy vọng đề tài của mình sẽ góp phần nào đó, dù là rất nhỏ để giúp bạn đọc có cái nhìn tổng quát về dấu hiệu định tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm, đồng thời góp một vài ý kiến của mình để hoàn thiện pháp luật điều chỉnh về vấn đề này.